

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊN YÊN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST

Ngày 15/8/2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN YÊN, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Quang Độ.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Trung Bang và bà Hà Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: bà Hoàng Quỳnh Anh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Bùi Xuân Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022 tại Phòng xử án Toà án nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2022/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/7/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị T - sinh năm 1990;

Địa chỉ: thôn B, xã TB, huyện ĐL, tỉnh LS.

Có mặt.

2. *Bị đơn:* anh Vũ Văn T1 – sinh năm 1983;

Địa chỉ: thôn T, xã ĐR, huyện TY, tỉnh QN.

Vắng mặt (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 11/02/2022, Toà án nhận ngày 09/3/2022, thụ lý ngày 16/3/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Vũ Văn T1 đăng ký kết hôn ngày 12/10/2015 tại Ủy ban nhân dân xã ĐR, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn chưa ai có vợ, có chồng và có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 06 tháng.

Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói

chung, thường xuyên xảy ra tranh cãi, anh T1 nghiện ma túy, đã đi cai nghiện ma túy nhiều lần nhưng sau đó vẫn sử dụng ma túy. Từ tháng 6 năm 2019, vợ chồng sống ly thân và chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn B, xã TB, huyện ĐL, tỉnh LS sinh sống, từ khi sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Quá trình vợ chồng sống ly thân, gia đình nội, ngoại hai bên đã khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả.

Nay chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: chị và anh T1 có 01 con chung là Vũ Quang K, sinh ngày 29/9/2016. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), chị không yêu cầu anh T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: chị T khai chị và anh T1 không có tài sản chung; vợ chồng cũng không vay nợ chung với cơ quan, cá nhân hay tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn – anh Vũ Văn T1, tại Biên bản xác minh ngày 08/6/2022 ông Vũ Văn Q và bà Nguyễn Thị H là bố, mẹ đẻ của anh T1 cung cấp thông tin: Sau khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, từ tháng 6/2019 chị T đã đưa con chung là cháu Vũ Quang K về chung sống cùng với bố mẹ đẻ của chị T tại huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn. Còn anh T1 vẫn sinh sống cùng với ông bà tại thôn Trung, xã Đồng Rui, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh. Hiện nay anh T1 đang đi làm ăn kinh tế nhưng không cho ông, bà biết địa chỉ cụ thể ở đâu, anh T1 vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình và thỉnh thoảng có về thăm nhà. Khi Tòa án gửi Thông báo thụ lý và Giấy triệu tập anh T1, ông Q và bà H có nhận thay và đã thông báo cho anh T1 biết việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ly hôn theo đơn khởi kiện của chị T. Đồng thời, Tòa án cũng tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng như Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh T1, tuy nhiên anh T1 không đến Tòa án để làm việc, không cung cấp bất cứ tài liệu chứng cứ gì để thể hiện việc anh T1 đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu của chị T. Tòa án tiến hành xác minh tại thôn xóm nơi anh T1 cư trú, Trưởng thôn cho biết: anh T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Trung, xã Đồng Rui, huyện Tiên Yên. Sau khi kết hôn, do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên chị T đã đưa con chung về chung sống với bố mẹ đẻ tại huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn. Anh T1 vẫn sinh sống tại thôn Trung, xã Đồng Rui, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh, tuy nhiên hiện nay anh T1 đang đi làm ăn kinh tế, thỉnh thoảng mới về thăm nhà, đi đâu, làm gì địa phương không nắm được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Yên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: trong quá trình từ giai đoạn thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có mặt; còn đối với bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật về việc có mặt tại Tòa án để tham gia phiên họp công khai chứng cứ cũng như không có quan điểm giải quyết vụ án, đã

vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất và tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị T, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Vũ Văn T1 và giao con chung Vũ Quang K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các đương sự, đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và sự vắng mặt của bị đơn:

[1.1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn – chị Nguyễn Thị T khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với bị đơn – anh Vũ Văn T1 (Nơi cư trú: thôn Trung, xã Đồng Rui, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự do đó việc Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho bị đơn (anh T1) theo quy định tại Chương X của Bộ luật Tố tụng dân sự như Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và đã xác minh. Tuy nhiên anh T1 không có phản hồi, không đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của bị đơn là thể hiện việc anh cố tình giấu địa chỉ, gây khó khăn cho việc giải quyết ly hôn, cố tình không chấp hành pháp luật. Do vậy, việc xét xử vắng mặt bị đơn không ảnh hưởng đến tính khách quan khi giải quyết vụ án, đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và các quy định khác có liên quan của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về ly hôn: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn T1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 phát sinh từ lâu, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát chủ yếu từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, anh T1 nghiện ma túy, đã đi cai nghiện ma túy nhiều lần nhưng sau đó vẫn sử dụng ma túy. Những mâu thuẫn này đã được hai bên gia đình nội, ngoại đã cố gắng khuyên giải hàn gắn nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn trầm trọng nên từ tháng 6/2019 đến nay vợ chồng sống ly thân, từ khi sống ly thân đến nay không ai quan tâm đến ai.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, Thông báo hòa giải cho anh T1 mục đích hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh T1 đều không đến và không có lý do, việc không đến này của anh T1 thể hiện anh T1 không có thiện chí tham gia hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng và trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã đến địa chỉ cư trú của anh T1 tại thôn Trung, xã Đồng Rui, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh để xác minh về mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân của anh chị và được địa phương và bố, mẹ anh T1 cung cấp thông tin: anh T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng giữa anh chị có mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 6/2019 đến nay, hiện nay anh T1 đi làm ăn kinh tế nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể ở đâu, tuy nhiên anh T1 vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình và thỉnh thoảng có về thăm nhà, khi Tòa án gửi thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập anh T1, bố, mẹ anh T1 có nhận thay và đã thông báo cho anh T1 biết việc Tòa án đã thụ lý vụ án ly hôn theo đơn khởi kiện của chị T, nhưng anh T1 không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn.

Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 là có mâu thuẫn, những mâu thuẫn này đã phát sinh từ lâu, vợ chồng đã không chung sống cùng nhau một thời gian dài, tình cảm vợ chồng không còn, chị T làm đơn xin ly hôn. Vì vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T1 đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, đời sống chung vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình thấy đã đủ căn cứ cho ly hôn.

[3] Về tranh chấp nuôi con thì thấy: chị T và anh T1 có 01 (một) con chung là Vũ Quang K, sinh ngày 29/9/2016. Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và chị không yêu cầu anh T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét việc giao con cho ai nuôi cần phải căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh để nuôi con thì thấy: Đối với anh T1 đã được Tòa án triệu tập đến Tòa án làm việc, đến phiên tòa xét xử nhưng anh T1 không đến, không có quan điểm về việc nuôi con khi ly hôn. Việc không đến Tòa án giải quyết vụ án của anh T1 thể hiện việc không chấp hành pháp luật nên việc giao con cho anh T1 là không đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Mặt khác, từ khi vợ chồng sống ly thân, con chung sinh sống cùng với chị T và được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tốt; chị T có thu nhập bình quân từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/tháng. Xét thấy yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên và không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung của chị T là phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo sự ổn định và phát triển của con nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: chị T và anh T1 không có tài sản chung, không nợ chung với cơ quan, tổ chức hay cá nhân nào, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Vũ Văn T1.

2. Về con chung: Giao con chung Vũ Quang K, sinh ngày 29/9/2016 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Vũ Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0012061 ngày 10/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh. Chị T đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tiên Yên;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện Tiên Yên;
- UBND xã Đồng Rui, huyện Tiên Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Độ